

Số: 1979 /QĐ-ĐHYD

Thái Nguyên, ngày 11 tháng 10 năm 2021

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy chế đánh giá kết quả rèn luyện của người học  
được đào tạo trình độ đại học hệ chính quy

### HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y - DƯỢC

Căn cứ Nghị định số 31/CP của Chính phủ ngày 04/4/1994 về việc thành lập Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Thông tư số 10/2020/TT-BGDĐT ngày 14/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Quyết định số 08/QĐ-HĐTTĐHYD ngày 10/8/2020 của Hội đồng trường Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 1123/QĐ-ĐHYD ngày 09/8/2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y - Dược ban hành Quy chế Công tác sinh viên Trường Đại học Y - Dược;

Căn cứ Thông tư số 16/2015/TT-BGDĐT ngày 12/8/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Quy chế đánh giá kết quả rèn luyện của người học được đào tạo trình độ đại học hệ chính quy;

Xét đề nghị của Trường phòng Công tác HSSV,

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế đánh giá kết quả rèn luyện của người học được đào tạo trình độ đại học hệ chính quy Trường Đại học Y - Dược;

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế cho các văn bản trước đây của Nhà trường về công tác đánh giá kết quả rèn luyện của người học;

**Điều 3.** Các ông (bà) Trưởng phòng Công tác HSSV, các phòng chức năng, các khoa/bộ môn, các cố vấn học tập, các lớp sinh viên hệ chính quy chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

#### Nơi nhận:

- BGH (để báo cáo);
- Như điều 3 (để thực hiện);
- Đăng Website Trường;
- Lưu: VT, Phòng CTHSSV.

KT. HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG  
  
TS. Nguyễn Kiều Giang

## QUY CHẾ

### **Đánh giá kết quả rèn luyện của người học được đào tạo trình độ đại học hệ chính quy tại Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1979 /QĐ-ĐHYD ngày 11 tháng 10 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y-Dược, Đại học Thái Nguyên)

#### Chương I

### QUY ĐỊNH CHUNG

#### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Quy chế này quy định việc đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên (sau đây gọi chung là người học) được đào tạo trình độ đại học hệ chính quy, bao gồm: Các tiêu chí đánh giá kết quả rèn luyện và khung điểm; phân loại kết quả và quy trình đánh giá điểm rèn luyện; tổ chức đánh giá và sử dụng kết quả; tổ chức thực hiện.

2. Quy chế này áp dụng đối với người học được đào tạo trình độ đại học hệ chính quy tại Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên.

#### **Điều 2. Nguyên tắc đánh giá kết quả rèn luyện của người học**

1. Thực hiện nghiêm túc quy trình và các tiêu chí đánh giá được quy định tại Quy chế này; đảm bảo khách quan, công khai, công bằng, chính xác.

2. Đảm bảo yếu tố bình đẳng, dân chủ, tôn trọng quyền làm chủ của người được đánh giá.

3. Phối hợp đồng bộ, chặt chẽ các bộ phận, các đơn vị có liên quan trong Nhà trường tham gia công tác đánh giá kết quả rèn luyện của người học.

#### **Điều 3. Nội dung đánh giá và thang điểm**

1. Xem xét, đánh giá kết quả rèn luyện của người học là đánh giá ý thức, thái độ của người học theo các mức điểm đạt được trên các mặt:

- Ý thức tham gia học tập;
- Ý thức chấp hành nội quy, quy chế, quy định trong Nhà trường;
- Ý thức tham gia các hoạt động chính trị, xã hội, văn hóa, văn nghệ, thể thao, phòng chống tội phạm và các tệ nạn xã hội;
- Ý thức công dân trong quan hệ cộng đồng;
- Ý thức và kết quả tham gia công tác cán bộ lớp, các đoàn thể, tổ chức khác trong cơ sở giáo dục đại học hoặc người học đạt được thành tích đặc biệt trong học tập, rèn luyện.

2. Điểm rèn luyện được đánh giá bằng thang điểm 100.

#### Chương II

### CÁC TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ VÀ KHUNG ĐIỂM

#### **Điều 4. Đánh giá về ý thức học tập: 20 điểm**

1. Có ý thức và thái độ học tập tốt

Đi học đầy đủ, đúng giờ, không mất trật tự trong giờ học, chuẩn bị làm bài tập đầy đủ: (8 điểm)

Điểm trừ (tổng điểm trừ không quá 8 điểm):

- Nghỉ học không lý do, bỏ tiết: trừ 2 điểm/1 lần;
- Vào học muộn, mất trật tự, làm việc riêng, không nghiêm túc trong giờ học, sử dụng điện thoại trong giờ học, không chuẩn bị bài...trừ 1 điểm/ 1 lần.

2. Tham gia câu lạc bộ học thuật, các hoạt động học thuật, hoạt động ngoại khóa (chủ đề về học tập), hoạt động NCKH

- Tham gia thảo luận chủ đề học tập trong buổi sinh hoạt lớp: 1 điểm.
- Tham gia: tập huấn/hội thảo, NCKH, nói chuyện chuyên đề, câu lạc bộ học thuật, các hoạt động học thuật, hoạt động ngoại khóa: 2 điểm.

Điểm thưởng (có minh chứng) : Là chủ đề tài NCKH cấp trường hoặc báo cáo KH cấp Đại học trở lên: thưởng 2 điểm.

3. Ý thức và thái độ tham gia các cuộc thi, kỳ thi

Thực hiện tốt quy chế kiểm tra/ thi: 2 điểm

Điểm thưởng (có minh chứng) :

- Tham gia các cuộc thi liên quan đến học tập: thưởng 1 điểm
- Tham gia và đạt giải các cuộc thi liên quan đến học tập: thưởng 2 điểm

4. Có tinh thần vượt khó, phấn đấu vươn lên trong học tập: Người học có điểm TBCHK:

- Xếp loại khá trở lên: 2 điểm;
- Xếp loại TB: 1 điểm;
- Xếp loại yếu/kém: 0 điểm.

Điểm thưởng:

- Người học có hoàn cảnh khó khăn, có điểm TBCHK đạt loại giỏi, xuất sắc: thưởng 2 điểm;
- Người học có hoàn cảnh khó khăn, có điểm TBCHK đạt loại khá: thưởng 1 điểm.

5. Kết quả học tập

Loại xuất sắc	(3,60 – 4,00)	: 6 điểm
Loại giỏi	(3,20 – 3,59)	: 5 điểm
Loại khá	(2,50 – 3,19)	: 4 điểm
Loại trung bình	(2,00 – 2,49)	: 3 điểm
Loại yếu, kém	(dưới 1,99)	: 0 điểm

**Điều 5. Đánh giá về ý thức chấp hành nội quy, quy chế, quy định của Nhà trường: 25 điểm**

1. Chấp hành tốt và đầy đủ nội quy, quy chế, quy định của Nhà trường: Quy chế HSSV, Quy chế học vụ, Quy tắc ứng xử của Nhà trường: 10 điểm
2. Thực hiện tốt các quy định nội/ ngoại trú: 5 điểm
3. Thực hiện tốt quy định gửi xe và đỗ xe đúng nơi quy định: 5 điểm

4. Đóng học phí, kinh phí, BHYT và lệ phí khác theo quy định đầy đủ và đúng thời hạn: 5 điểm

Điểm trừ Điều 5 (tổng điểm trừ không quá 25 điểm):

- Kỷ luật mức cảnh cáo: trừ 25 điểm và kết quả rèn luyện của người học không vượt quá loại trung bình;

- Kỷ luật mức khiển trách trừ 10 điểm và kết quả rèn luyện của người học không vượt quá loại khá;

- Cố ý làm hỏng tài sản của Nhà trường: trừ 10 điểm/lần;

- Vắng sinh hoạt lớp không lý do: trừ 5 điểm/buổi;

- Nộp chậm các loại phí và các vi phạm khác (Luật cư trú, quy định gửi xe, đỗ xe, ký túc xá, ...): trừ 5 điểm/lần.

*Ghi chú: Trường hợp người học không nộp hồ sơ HSSV, sổ theo dõi nội ngoại trú hoặc nộp không đúng hạn, không có nhận xét của nơi ở nội trú, ngoại trú trừ toàn bộ 25 điểm. Ngoài ra, các trường hợp vi phạm nội quy, quy định của Nhà trường, vi phạm quy chế thi, không nộp các loại phí theo quy định sẽ xử lý theo Khung xử lý kỷ luật học sinh người học.*

**Điều 6. Đánh giá về ý thức tham gia các hoạt động chính trị, xã hội, văn hóa, văn nghệ, thể thao, phòng chống tội phạm và các tệ nạn xã hội: 20 điểm**

1. Ý thức và hiệu quả khi tham gia các hoạt động rèn luyện về chính trị, xã hội, học tập, văn hóa, văn nghệ, thể thao (chăm theo quy định hoạt động tình nguyện của Đoàn thanh niên)

2. Ý thức tham gia các hoạt động công ích, tình nguyện, công tác xã hội (chăm theo quy định hoạt động tình nguyện của Đoàn thanh niên)

Tổng điểm Khoản 1 và Khoản 2: 15 điểm

3. Tham gia tuyên truyền, phòng chống tội phạm và các tệ nạn xã hội:

Có tham gia tuyên truyền, phòng chống tội phạm và các tệ nạn xã hội trong lớp, gia đình, nơi cư trú và cộng đồng: 5 điểm

Điểm trừ Điều 6 (tổng điểm trừ không quá 20 điểm):

- Vi phạm các quy định về phòng, chống ma túy, các tệ nạn xã hội: trừ 20 điểm;

- Vắng sinh hoạt chính trị dưới cờ không có lý do chính đáng (khi Nhà trường triển khai): trừ 10 điểm/ lần;

- Vắng sinh hoạt Chi đoàn/Chi hội hàng tháng không có lý do chính đáng: trừ 2 điểm/lần.

**Điều 7. Đánh giá về ý thức công dân trong quan hệ cộng đồng: 25 điểm**

1. Chấp hành tốt và tham gia tuyên truyền các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước trong cộng đồng: 15 điểm

2. Tham gia các hoạt động xã hội có thành tích được ghi nhận, biểu dương, khen thưởng:

- Có tham gia các hoạt động xã hội: 4 điểm

- Được ghi nhận/biểu dương (Lớp - CVHT; Chi đoàn/Hội; nơi cư trú): 5 điểm

3. Có tinh thần tình nguyện chia sẻ, giúp đỡ người thân, người có khó khăn, hoạn nạn (đóng góp/ủng hộ quỹ từ thiện, giúp đỡ bạn bè có hoàn cảnh khó khăn, ... được CVHT và lớp xác nhận: 5 điểm

Điểm thưởng (có minh chứng):

- Tham gia tình nguyện trong công tác phòng chống **thiên tai, dịch bệnh nguy hiểm** do Nhà trường hoặc địa phương phát động: thưởng 10 điểm.
- Tham gia các hoạt động xã hội khác có thành tích được khen thưởng: thưởng 5 điểm

Điểm trừ Điều 7 (tổng điểm trừ không quá 25 điểm):

Vi phạm Luật an toàn giao thông, an ninh trật tự, tham gia các hoạt động chưa được pháp luật cho phép: trừ 25 điểm/lần.

Những cá nhân vi phạm Luật an toàn giao thông, an ninh trật tự, tham gia các hoạt động chưa được pháp luật cho phép sẽ bị xử lý kỷ luật theo Khung xử lý kỷ luật học sinh viên của Nhà trường và xử lý theo quy định của Pháp luật (nếu có).

**Điều 8. Đánh giá về ý thức và kết quả khi tham gia công tác cán bộ lớp, các đoàn thể, tổ chức hoặc đạt được thành tích đặc biệt trong học tập, rèn luyện (áp dụng cho BCS, BCH chi đoàn/chi hội SV, Ban chủ nhiệm/Ban chỉ huy các câu lạc bộ, đội tình nguyện ngang cấp CLB): 10 điểm**

1. Ý thức, tinh thần, thái độ, uy tín và hiệu quả công việc của người học khi được phân công nhiệm vụ quản lý lớp, các tổ chức Đảng, Đoàn thanh niên, Hội sinh viên và các tổ chức khác trong Nhà trường (CLB, đội tình nguyện):

- Rất có ý thức, tinh thần, thái độ, uy tín và hiệu quả: 3 điểm
- Có ý thức, tinh thần, thái độ, uy tín và hiệu quả: 2 điểm

2. Kỹ năng tổ chức, quản lý lớp, quản lý các tổ chức Đảng, Đoàn thanh niên, Hội sinh viên và các tổ chức khác trong Nhà trường (CLB, đội tình nguyện):

- Kỹ năng tổ chức, quản lý lớp/các tổ chức khác rất tốt: 2 điểm
- Kỹ năng tổ chức, quản lý lớp/các tổ chức khác tốt: 1 điểm

3. Hỗ trợ và tham gia tích cực vào các hoạt động chung của lớp, tập thể, khoa và Nhà trường:

Rất tích cực: 2 điểm; Tích cực: 1 điểm.

4. Đạt được các thành tích đặc biệt trong học tập và rèn luyện (có minh chứng)::

- Được biểu dương cấp Liên chi, cấp Trường: 1 điểm;
- Được khen thưởng cấp Trường: 2 điểm;
- Được khen thưởng từ cấp đại học trở lên: 3 điểm

### Chương III

## **PHÂN LOẠI KẾT QUẢ VÀ QUY TRÌNH ĐÁNH GIÁ ĐIỂM RÈN LUYỆN**

### **Điều 9. Phân loại kết quả rèn luyện**

1. Kết quả rèn luyện được phân thành các loại: xuất sắc, tốt, khá, trung bình, yếu và kém.

2. Phân loại kết quả rèn luyện:

- a) Từ 90 đến 100 điểm: loại xuất sắc;
- b) Từ 80 đến dưới 90 điểm: loại tốt;
- c) Từ 65 đến dưới 80 điểm: loại khá;
- d) Từ 50 đến dưới 65 điểm: loại trung bình;
- đ) Từ 35 đến dưới 50 điểm: loại yếu;
- e) Dưới 35 điểm: loại kém.

(Yêu cầu bắt buộc để xếp loại rèn luyện từ loại Khá trở lên khi điểm số ở các Điều 4 đến Điều 7 đều đạt từ 50% trở lên).

### **Điều 10. Phân loại trong một số trường hợp đặc biệt**

1. Trong thời gian người học bị kỷ luật mức khiển trách, khi đánh giá kết quả rèn luyện không được vượt quá loại khá trong năm học đó.

2. Trong thời gian người học bị kỷ luật mức cảnh cáo, khi đánh giá kết quả rèn luyện không được vượt quá loại trung bình trong năm học đó.

3. Người học bị kỷ luật mức đình chỉ học tập không được đánh giá rèn luyện trong thời gian bị đình chỉ.

4. Người học bị kỷ luật mức buộc thôi học không được đánh giá kết quả rèn luyện.

5. Người học hoàn thành chương trình học và tốt nghiệp chậm so với quy định của khóa học thì tiếp tục được đánh giá kết quả rèn luyện trong thời gian đang hoàn thành bổ sung chương trình học và tốt nghiệp, tùy thuộc vào nguyên nhân để quy định mức đánh giá rèn luyện tại kỳ bổ sung.

6. Người học khuyết tật, tàn tật, mồ côi cả cha lẫn mẹ hoặc cha hoặc mẹ, hoàn cảnh gia đình đặc biệt khó khăn có xác nhận của địa phương theo quy định đối với những hoạt động rèn luyện không có khả năng tham gia hoặc đáp ứng yêu cầu chung thì được ưu tiên, động viên, khuyến khích, cộng điểm khi đánh giá kết quả rèn luyện qua sự nỗ lực và tiến bộ của người học tùy thuộc vào đối tượng và hoàn cảnh cụ thể.

7. Người học nghỉ học tạm thời được bảo lưu kết quả rèn luyện sẽ được đánh giá kết quả rèn luyện khi tiếp tục trở lại học tập theo quy định.

8. Người học đồng thời học hai chương trình đào tạo sẽ được đánh giá kết quả rèn luyện tại đơn vị quản lý chương trình thứ nhất và lấy ý kiến nhận xét của đơn vị quản lý chương trình thứ hai làm căn cứ, cơ sở để đánh giá thêm. Trường hợp chương trình thứ nhất đã hoàn thành thì đơn vị quản lý chương trình thứ hai sẽ tiếp tục được đánh giá kết quả rèn luyện của người học.

9. Người học chuyển trường được sự đồng ý của Hiệu trưởng hai cơ sở giáo dục đại học thì được bảo lưu kết quả rèn luyện của cơ sở giáo dục đại học cũ khi học tại cơ sở giáo dục đại học mới và tiếp tục được đánh giá kết quả rèn luyện ở các học kỳ tiếp theo.

### **Điều 11. Quy trình đánh giá kết quả rèn luyện**

1. Người học căn cứ vào kết quả rèn luyện của bản thân, tự đánh giá theo mức điểm chi tiết trong Quy chế này.

2. Tổ chức họp lớp có cố vấn học tập (CVHT) tham dự, cùng với ban cán sự lớp, BCH chi đoàn/chi hội sinh viên tiến hành xem xét và thông qua mức điểm tự đánh giá của từng người học trên cơ sở các minh chứng xác nhận kết quả, phải được trên 50% ý kiến đồng ý của tập thể lớp và phải có biên bản kèm theo.

Cố vấn học tập xác nhận kết quả đánh giá và phân loại rèn luyện người học trong lớp và chuyển kết quả lên Phòng Công tác học sinh sinh viên (HSSV) và Đoàn Thanh niên rà soát kiểm tra.

3. Đoàn Thanh niên/Hội sinh viên rà soát điểm rèn luyện phân có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Đoàn/Hội trong vòng 3 ngày rồi chuyển kết quả rèn luyện của người học về phòng Công tác HSSV.

4. Phòng Công tác học sinh sinh viên rà soát kiểm tra, tổng hợp và trình kết quả lên Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện của người học cấp Trường (sau đây gọi tắt là Hội đồng cấp Trường).

5. Hội đồng cấp Trường họp xét, thống nhất trình Hiệu trưởng ban hành quyết định công nhận kết quả, phân loại rèn luyện cho người học.

6. Kết quả đánh giá, phân loại rèn luyện của người học được công bố công khai và thông báo cho người học biết trước 14 ngày (qua website của Nhà trường) trước khi ban hành quyết định chính thức.

*\* Các căn cứ xét điểm rèn luyện được các đơn vị/cá nhân liên quan cung cấp trước khi đánh giá điểm rèn luyện bao gồm:*

- Phòng Đào tạo: Cung cấp điểm trung bình chung học kỳ của từng khóa, học kỳ cho các lớp sinh viên và phòng Công tác HSSV.

- Phòng TTKT & ĐBCLGD: Cung cấp thông tin người học vi phạm quy chế học tập và thi cử cho CVHT và phòng Công tác HSSV.

- Phòng Kế hoạch-Tài chính: Cung cấp thông tin đóng học phí và các khoản thu khác của người học cho CVHT phòng Công tác HSSV.

- Phòng Khoa học công nghệ & Hợp tác quốc tế: Cung cấp thông tin về các hoạt động nghiên cứu khoa học của người học cho CVHT và phòng Công tác HSSV.

- Phòng Công tác HSSV: Cung cấp thông tin về khen thưởng, kỷ luật và các vi phạm khác cho CVHT (được thực hiện thường quy theo quy định).

- Các Khoa/Bộ môn trong Trường và các giảng viên có trách nhiệm ghi chép đầy đủ các thông tin liên quan đến người học trong thời gian theo học tại Khoa/Bộ môn trong sổ đầu bài hoặc gửi minh chứng cho CVHT/Phòng Công tác HSSV.

#### **Chương IV**

### **TỔ CHỨC ĐÁNH GIÁ VÀ SỬ DỤNG KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ**

#### **Điều 12. Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện**

Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện của người học cấp Trường giúp Hiệu trưởng xem xét, công nhận kết quả đánh giá rèn luyện của từng người học và chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Hiệu trưởng.

a) Thành phần Hội đồng cấp Trường gồm:

- Chủ tịch Hội đồng: Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng được Hiệu trưởng ủy quyền.

- Thường trực Hội đồng: Lãnh đạo Phòng Công tác HSSV.

- Các uỷ viên: Đại diện Lãnh đạo các phòng có liên quan, đại diện Đoàn thanh niên và Hội người học cấp trường, chuyên viên Phòng Công tác HSSV.

b) Nhiệm vụ của Hội đồng cấp Trường: Căn cứ vào các quy định hiện hành tiến hành xem xét, đánh giá kết quả rèn luyện của từng người học, đề nghị Hiệu trưởng ban hành quyết định công nhận.

#### **Điều 13. Thời gian đánh giá kết quả rèn luyện**

1. Việc đánh giá kết quả rèn luyện của người học được tiến hành định kỳ theo học kỳ, năm học (trong vòng 2 - 4 tuần sau khi kết thúc học kỳ, kết thúc năm học).

2. Điểm rèn luyện của học kỳ là tổng điểm đạt được của 6 nội dung chi tiết trong Quy chế này.

3. Điểm rèn luyện của năm học là trung bình cộng của điểm rèn luyện các học kỳ của năm học đó.

Đối với người học nghỉ học tạm thời, khi Nhà trường xem xét cho học tiếp thì thời gian nghỉ học không được tính điểm rèn luyện.

4. Điểm rèn luyện toàn khóa học là trung bình cộng của điểm rèn luyện các học kỳ của cả khóa học.

#### **Điều 14. Sử dụng kết quả rèn luyện**

1. Kết quả đánh giá rèn luyện từng học kỳ, năm học của người học được lưu trong hồ sơ quản lý người học, được sử dụng trong việc xét duyệt học bổng, xét khen thưởng - kỷ luật, xét thôi học, ngừng học và các ưu tiên khác tùy theo quy định của Trường.

2. Kết quả đánh giá rèn luyện toàn khóa học của người học được lưu trong hồ sơ quản lý người học của Nhà trường, làm căn cứ để xét thi tốt nghiệp, làm luận văn hoặc khóa luận tốt nghiệp.

3. Kết quả đánh giá rèn luyện toàn khóa học được ghi chung vào bảng điểm kết quả học tập và lưu trong hồ sơ của người học khi tốt nghiệp ra trường.

4. Người học có kết quả rèn luyện xuất sắc được Nhà trường xem xét biểu dương, khen thưởng.

5. Người học bị xếp loại rèn luyện yếu, kém trong hai học kỳ liên tiếp thì phải tạm ngừng học ít nhất một học kỳ ở học kỳ tiếp theo và nếu bị xếp loại rèn luyện yếu, kém hai học kỳ liên tiếp lần thứ hai thì sẽ bị buộc thôi học.

#### **Điều 15. Quyền khiếu nại**

Người học có quyền khiếu nại về việc đánh giá kết quả rèn luyện của Trường đối với cá nhân bằng cách gửi đơn đến Hội đồng cấp trường thông qua Phòng Công tác HSSV trong vòng 14 ngày kể từ khi Nhà trường công bố trên website Trường/Website của phòng CTHSSV/FB Công tác HSSV (quá ngày nói trên cá nhân người học phải tự chịu trách nhiệm).

Khi nhận được đơn khiếu nại, Hội đồng cấp trường có trách nhiệm giải quyết, trả lời cho cá nhân theo quy định hiện hành.

### **Chương V**

#### **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

##### **Điều 16. Tổ chức thực hiện**

Các cố vấn học tập cùng ban cán sự lớp, BCH chi đoàn/chi hội sinh viên tìm hiểu kỹ các nội dung trong Quy chế này để tiến hành đánh giá kết quả rèn luyện đối với từng người học một cách khách quan, công bằng và chính xác.

Cố vấn học tập có trách nhiệm ghi điểm do Hội đồng cấp Trường đánh giá vào Sổ theo dõi học tập và rèn luyện của người học theo từng học kỳ, từng năm học.

Các cán bộ quản lý các Khoa/Bộ môn trực thuộc Trường quán triệt tới các cố vấn học tập là nhân viên mình phụ trách nghiên cứu và thực hiện đúng các quy định trong Quy chế này.

Trong quá trình thực hiện, Phòng Công tác HSSV, Đoàn Thanh niên, Hội sinh viên có trách nhiệm tổng hợp những vướng mắc phát sinh và trình Hiệu trưởng xem xét, sửa đổi cho phù hợp. /.

*Chữ ký*

**KT. HIỆU TRƯỞNG**  
**PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



**TS. Nguyễn Kiều Giang**



**PHIẾU ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ RÈN LUYỆN**

Học kỳ: ..... Năm học: .....

Họ tên SV: ..... Lớp: .....

Mã số sinh viên: ..... Ngày đánh giá: .....

Nội dung đánh giá	Điểm tối đa	Điểm trừ	SV tự đánh giá	Lớp đánh giá
<b>I. Đánh giá về ý thức tham gia học tập</b>	<b>20</b>			
1. Có ý thức và thái độ học tập tốt: Đi học đầy đủ, đúng giờ, không mất trật tự trong giờ học, chuẩn bị làm bài tập đầy đủ. <i>Điểm trừ mục 1 (tổng điểm trừ không quá 8 điểm):</i> - Nghỉ học không lý do, bỏ tiết: trừ 2 điểm/1 lần; - Vào học muộn, mất trật tự, làm việc riêng, không nghiêm túc trong giờ học, sử dụng điện thoại trong giờ học, không chuẩn bị bài: trừ 1 điểm/ lần.	8			
2. Tham gia câu lạc bộ học thuật, các hoạt động học thuật, hoạt động ngoại khóa (chủ đề về học tập), hoạt động NCKH - Tham gia thảo luận chủ đề học tập trong buổi sinh hoạt lớp: 1 điểm - Tham gia: tập huấn/hội thảo, NCKH, nói chuyện chuyên đề, , câu lạc bộ học thuật, các hoạt động học thuật, hoạt động ngoại khóa (chủ đề học tập): 2 điểm	2			
3. Ý thức và thái độ tham gia các cuộc thi, kỳ thi: Thực hiện tốt quy chế kiểm tra, thi.	2			
4. Có tinh thần vượt khó, phấn đấu vươn lên trong học tập: - SV có điểm TBCHK xếp loại khá trở lên: 2 điểm; - SV có điểm TBCHK xếp loại TB: 1 điểm; - SV có điểm TBCHK xếp loại yếu/kém: 0 điểm	2			
5. Kết quả học tập: Loại yếu, kém (dưới 1,99) : 0 điểm Loại trung bình (2,00 – 2,49) : 3 điểm Loại khá (2,50 – 3,19) : 4 điểm Loại giỏi (3,20 – 3,59) : 5 điểm Loại xuất sắc (3,60 – 4,00) : 6 điểm	6			
<b>II. Đánh giá về ý thức chấp hành nội quy, quy chế, quy định của Nhà trường</b>	<b>25</b>			
1. Chấp hành tốt và đầy đủ nội quy, quy chế, quy định của Nhà trường: Quy chế HSSV, Quy chế học vụ, Quy tắc ứng xử của Nhà trường,...	10			
2. Thực hiện tốt các quy định nội/ ngoại trú (có xác nhận đăng ký tạm trú hàng năm)	5			
3. Thực hiện tốt quy định gửi xe và để xe đúng nơi quy định	5			

4. Đóng học phí, kinh phí, BHYT và lệ phí khác theo quy định đầy đủ và đúng thời hạn.	5			
<i>Điểm trừ mục II (tổng điểm trừ không quá 25 điểm):</i> - Kỷ luật mức cảnh cáo: trừ 25 điểm và KQ rèn luyện của SV không vượt quá loại trung bình; - Kỷ luật mức khiển trách: trừ 10 điểm và KQ rèn luyện của SV không vượt quá loại khá; - Cố ý làm hỏng tài sản của Nhà trường: trừ 10 điểm/lần; - Vắng sinh hoạt lớp không lý do: trừ 5 điểm/buổi; - Nộp chậm các loại phí và các vi phạm khác (Luật cư trú, quy định gửi xe, để xe, ký túc xá, ...): trừ 5 điểm/lần.				
<b>III. Đánh giá về ý thức tham gia các hoạt động chính trị, xã hội, văn hóa, văn nghệ, thể thao, phòng chống tội phạm và các tệ nạn xã hội</b>	<b>20</b>			
1. Ý thức và hiệu quả tham gia các hoạt động rèn luyện về chính trị, xã hội, văn hóa, văn nghệ, thể thao. 2. Ý thức tham gia các hoạt động công ích, tình nguyện, công tác xã hội. (chấm theo quy đổi hoạt động của Đoàn thanh niên, Hội SV)	15			
3. Tham gia tuyên truyền, phòng chống tội phạm và các tệ nạn xã hội: SV có tham gia tuyên truyền, phòng chống tội phạm và các tệ nạn xã hội trong lớp, gia đình, nơi cư trú và cộng đồng.	5			
<i>Điểm trừ mục III (tổng điểm trừ không quá 20 điểm):</i> - Vi phạm các quy định về phòng, chống ma túy, các tệ nạn xã hội: trừ 20 điểm; - Vắng sinh hoạt chính trị dưới cờ không có lý do chính đáng (khi Nhà trường triển khai): trừ 10 điểm/ lần; - Vắng sinh hoạt Chi đoàn/Chi hội hàng tháng không có lý do chính đáng: trừ 2 điểm/lần.				
<b>IV. Đánh giá về ý thức công dân trong quan hệ cộng đồng</b>	<b>25</b>			
1. Chấp hành tốt và tham gia tuyên truyền các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước trong cộng đồng.	15			
2. Tham gia các hoạt động xã hội có thành tích được ghi nhận, biểu dương, khen thưởng: - Có tham gia các hoạt động xã hội: 4 điểm - Được ghi nhận/biểu dương (lớp-CVHT; chi đoàn/Hội; nơi cư trú): 5 điểm	5			
3. Có tinh thần tình nguyện chia sẻ, giúp đỡ người thân, người có khó khăn, hoạn nạn (đóng góp/ủng hộ quỹ từ thiện, giúp đỡ bạn bè có hoàn cảnh khó khăn, ... (CVHT và lớp đánh giá).	5			
<i>Điểm trừ mục IV (tổng điểm trừ không quá 25 điểm):</i> Vi phạm Luật an toàn giao thông, an ninh trật tự, tham gia các hoạt động chưa được pháp luật cho phép: trừ 25 điểm/lần.				
<b>V. Đánh giá về ý thức và kết quả khi tham gia công tác cán bộ lớp, các đoàn thể, tổ chức hoặc đạt được thành tích đặc biệt trong học tập, rèn luyện (áp dụng cho BCS, BCH chi đoàn/chi hội SV, Ban chủ nhiệm/Ban chỉ huy các câu lạc bộ, đội tình nguyện ngang cấp CLB)</b>	<b>10</b>			
1. Ý thức, tinh thần, thái độ, uy tín và hiệu quả công việc của người học khi được phân công nhiệm vụ quản lý lớp, các tổ chức Đảng, Đoàn thanh niên, Hội sinh viên và các tổ chức khác trong Nhà trường (CLB,	3			

<p>đội tình nguyện):</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- <i>Rất có ý thức, tinh thần, thái độ, uy tín và hiệu quả: 3 điểm</i></li> <li>- <i>Có ý thức, tinh thần, thái độ, uy tín và hiệu quả: 2 điểm</i></li> </ul>				
<p>2. Kỹ năng tổ chức, quản lý lớp, quản lý các tổ chức Đảng, Đoàn thanh niên, Hội sinh viên và các tổ chức khác trong Nhà trường (CLB, đội tình nguyện):</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- <i>Kỹ năng tổ chức, quản lý lớp/tổ chức khác rất tốt: 2 điểm</i></li> <li>- <i>Kỹ năng tổ chức, quản lý lớp/tổ chức khác tốt: 1 điểm</i></li> </ul>	2			
<p>3. Hỗ trợ và tham gia tích cực vào các hoạt động chung của lớp, tập thể, khoa và Nhà trường:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- <i>Rất tích cực: 2 điểm</i></li> <li>- <i>Tích cực: 1 điểm</i></li> </ul>	2			
<p>4. Đạt được các thành tích đặc biệt <b>trong học tập và rèn luyện</b> (có minh chứng):</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- <i>Được biểu dương cấp Liên chi, cấp Trường: 1 điểm</i></li> <li>- <i>Được khen thưởng cấp Trường: 2 điểm</i></li> <li>- <i>Được khen thưởng từ cấp đại học trở lên: 3 điểm</i></li> </ul>	3			
<p><b>VI. Điểm thưởng (tối đa 16 điểm):</b></p> <p>Điểm thưởng sẽ được cộng vào tổng điểm sau khi người học tự chấm ở các mục trên (I, II, III, IV, V).</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Là chủ đề tài NCKH cấp trường hoặc báo cáo KH cấp Đại học trở lên: thưởng 2 điểm.</li> <li>2. Tham gia cuộc thi liên quan đến học tập (không đạt giải): thưởng 1 điểm.</li> <li>3. Tham gia và đạt giải cuộc thi liên quan đến học tập: thưởng 2 điểm.</li> <li>4. SV có hoàn cảnh khó khăn, có điểm TBCHK đạt loại giỏi, xuất sắc: thưởng 2 điểm; TBCHK đạt loại khá: thưởng 1 điểm.</li> <li>5. Tham gia các <b>hoạt động xã hội</b> có thành tích được ghi nhận, biểu dương, khen thưởng (có minh chứng. Nếu SV có nhiều thành tích thì lấy điểm thưởng ở phần cao nhất).</li> </ol> <ul style="list-style-type: none"> <li>- <i>Tham gia tình nguyện trong công tác phòng <b>chống thiên tai, dịch bệnh nguy hiểm</b> do Nhà trường hoặc địa phương phát động: thưởng 10 điểm.</i></li> <li>- <i>Tham gia các <b>hoạt động xã hội khác</b> có thành tích được khen thưởng: thưởng 5 điểm.</i></li> </ul>				
<p><b>VII. Tổng điểm</b> (Điểm rèn luyện tối đa của người học/ học kỳ không quá 100 điểm)</p>	<b>100</b>			
<b>Xếp loại</b>				

Sinh viên

Cán bộ lớp

Cố vấn học tập